

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN LÝ THUYẾT

HỌC PHẦN:

Giáo Dục Thể Chất 2

Số Tín chỉ:

1

LỚP:

14CĐ-CK1

HỌC KỲ: II

NĂM HỌC:

2014 - 2015

TT	MSSV	Họ tên sinh viên		Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
					20%						30%	50%	
1	14D2010023	Nguyễn Thành	An		9	7					7	5	6.2
2	14D2010027	Phan Thanh	Bạo		8	7					8	5	6.4
3	14D2010001	Phan Huỳnh	Biểu		9	5					7	8	7.5
4	14D2010002	Nguyễn Văn	Ca		8	8					7	5	6.2
5	14D2010031	Đặng Hữu	Cánh		10	7					8	8	8.1
6	14D2010003	Nguyễn Thị Thùy	Dương		8	8					8	9	8.5
7	14D2010039	Vũ Quốc	Đạt		9	7					7	6	6.7
8	14D2010186	Đỗ Huỳnh	Đức		10	8					9	5	7.0
9	14D2010043	Phạm Văn	Đức		10	7					6	5	6.0
10	14D2010004	Nguyễn Tấn	Hải		8	7					8	5	6.4
11	14D2010005	Phan Giáp	Hải		8	6					9	5	6.6
12	14D2010006	Lê Xuân	Hiền		8	8					8	9	8.5
13	14D2010051	Phạm Nguyễn Thái	Hiền		9	8					8	8	8.1
14	14D2010055	Hồ Văn	Hiếu		10	9					8	8	8.3
15	14D2010063	Đặng	Hùng		7	5					6	9	7.5
16	14D2010067	Đỗ Ngọc	Huy		10	7					8	5	6.6
17	14D2010071	Trịnh Ngọc	Huy		10	8					7	7	7.4
18	14D2010075	Trần Văn	Khiêm		10	7					8	9	8.6
19	14D2010007	Phạm Thanh	Khoa		9	6					7	7	7.1
20	14D2010079	Lê Hoàng	Lâm		10	9					8	8	8.3
21	14D2010008	Trần Thanh	Lâm		9	6					7	7	7.1
22	14D2010083	Phạm Thanh	Liêm		9	7					6	0	3.4
23	14D2010009	Nguyễn Thành	Long		10	8					8	7	7.7
24	14D2010010	Tạ Thanh	Long		10	7					7	7	7.3
25	14D2010087	Nguyễn Huỳnh Công	Lý		10	9					9	9	9.1
26	14D2010091	Lê Ngô Nhật	Minh		6	6					6	0	3.0
27	14D2010095	Nguyễn Trọng	Nghĩa		8	9					9	10	9.4
28	14D2010011	Phan Trọng	Nghĩa		8	8					8	5	6.5
29	14D2010097	Bùi Thị	Nguyệt		10	9					9	9	9.1
30	14D2010099	Huỳnh Minh	Nhàn		10	9					9	10	9.6
31	14D2010012	Nguyễn Trọng	Nhân		10	8					8	8	8.2
32	14D2010103	Trần Văn	Nhựt		10	7					8	7	7.6
33	14D2010107	Trương Mạnh	Phi		10	8					8	8	8.2
34	14D2010013	Đỗ Hoàng	Phúc		6	8					8	0	3.8
35	14D2010111	Nguyễn Văn	Phước		9	9					9	9	9.0
36	14D2010014	Phạm Hoài	Phương		6	6					7	6	6.3
37	14D2010115	Trương Văn	Quang		8	8					8	7	7.5
38	14D2010015	Trần Văn	Quý		6	7					8	5	6.2
39	14D2010016	Trịnh Văn	Quý		0	0					0	0	0.0
40	14D2010017	Lê Văn	Sang		9	7					8	7	7.5
41	14D2010018	Dương Quốc	Thắng		9	7					8	10	9.0
42	14D2010019	Ngô Lê	Thịnh		7	7					9	6	7.1
43	14D2010020	Nguyễn Việt	Tiến		9	9					8	7	7.7
44	14D2010021	Ngô Huỳnh Minh	Tự		9	6					6	7	6.8
45	14D2010022	Lê Văn	Tuấn		9	8					8	10	9.1
46	14D2010189	Trần Thanh	Vương		10	7					9	6	7.4

Tổng danh sách có : 46 SV

Tổng số SV có điểm Giỏi từ 8,5 đ đến 10 đ : 10 SV
 Tổng số SV có điểm Khá từ 7 đ đến <8,5 đ : 20 SV
 Tổng số SV có điểm Trung bình từ 5,5 đ đến <7 đ : 12 SV
 Tổng số SV có điểm Trung bình yếu từ 4 đ đến <5,5 đ : 0 SV
 Tổng số SV có điểm kém <4 đ : 4 SV
 Tổng số SV không xếp loại vì chưa đủ điều kiện : 0 SV

(21.74%)

(43.48%)

(26.09%)

(0%)

(8.7%)

(0%)

Tổng số SV có điểm ≥ 4 đ : 42 SV (91.3%)

Tổng số SV có điểm < 4 đ : 4 SV (8.7%)

TT	MSSV	Họ tên sinh viên	Điểm bảo lưu	LBT1	THL1	LBT2	THL2	LBT3	THL3	GHP	THI CHÍNH	Điểm HP
				20%						30%	50%	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2015

ICX TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

P.T.K.

H.D.


Nguyễn Đức Thắng


Nguyễn Phú Tân

Nguyễn Tiến Dương